**MỞ ĐẦU**

Mỹ là một trong những nước hiếm hoi trên thế giới không có chương trình đại học luật (thời gian học 4 năm) nhưng lại đào tạo cao học luật (Law school) cho những người có bằng Đại học thuộc các chuyên ngành khác nhau. Bên cạnh đó, Hoa Kỳ cũng không có học viện tư pháp, nơi đào tạo chức danh tư pháp (thẩm phán, luật sư, công tố viên) như nhiều nước trên thế giới. Thế nhưng, nước Mỹ được biết đến không chỉ là cường quốc đứng đầu về kinh tế mà còn là một trong những quốc gia có nền luật pháp hàng đầu, cái nôi đào tạo ra những chính trị gia tầm cỡ không chỉ riêng ở Mỹ mà còn trên toàn thế giới. Do vậy, việc nghiên cứu về đào tạo luật của họ để học hỏi và ứng dụng vào nước ta là điều hết sức cần thiết.

**NỘI DUNG**

**I. Đào tạo luật ở Mỹ trong mối quan hệ so sánh với Việt Nam.**

**1.1.Về chương trình đào tạo**

 Mỹ là nhà nước liên bang nên ngoài hệ thống pháp luật liên bang còn có hệ thống pháp luật của từng bang độc lập. Về phạm vi đào tạo, trường học của một số bang chỉ đào tạo luật của bang, có trường lại đào tạo cả luật liên bang. Điều này khác với Việt Nam là nhà nước đơn nhất nên chỉ có duy nhất một hệ thống pháp luật và do vậy chỉ có thể nhất quán một chương trình đào tạo luật. Ngoài ra ở Mỹ, chất lượng giữa các trường đào tạo luật cũng có sự khác biệt, thể hiện cụ thể ở sự đào tạo bài bản, chất lượng, khoa học với cơ sở vật chất tốt, lực lượng giảng viên có năng lực chuyên môn và khả năng giảng dạy hiệu quả như Havard, Columbia,.. Bên cạnh đó có sự cạnh tranh rất gay gắt về chất luợng cả trong việc tuyển dụng và đào tạo sinh viên của các trường đào tạo luật tại Mỹ. Họ mời các tác giả, những người nổi tiếng trong lĩnh vực pháp luật về trường nghiên cứu, giảng dạy nhằm thu hút sinh viên và các nguồn tài trợ. Điều này không những đem lại danh tiếng cho cá nhân trường nói riêng mà còn thúc đẩy nền lập pháp của cả quốc gia nói chung.

**1.2. Về đầu vào và thời gian học**

Khác với Việt Nam đào tạo luật ở bậc đại học như nhiều quốc gia khác, ở Mỹ, việc đào tạo luật là đào tạo sau đại học. Sinh viên luật phải là những người đã tốt nghiệp đại học – có bằng cử nhân một môn khoa học bất kì. Các khoa luật ở Mỹ tuyển sinh viên đầu vào rất khắt khe và những sinh viên được chọn đều là những sinh viên thật sự xuất sắc. Những người trúng tuyển sẽ theo học 3 năm tại khoa luật để lấy bằng J.D - ( jurist doctor ) - văn bằng luật cơ bản ở Mỹ. Ở Việt Nam, sinh viên luật được tuyển qua các kỳ thi đại học hằng năm, thời gian đào tạo là 4 năm,  sau khi tốt nghiệp sinh viên được nhận bằng cử nhân luật.

**1.3. Về phương pháp đào tạo**

Phương pháp giảng dạy luật được sử dụng ở Mỹ khá phù hợp với sự đa dạng, phức tạp và luôn luôn thay đổi của xã hội Mỹ. Nếu như việc đào tạo luật ở nhiều nước khác, trong đó có Việt Nam, thường dạy cho sinh viên những vấn đề cơ bản về luật và tìm luật ở đâu để giải quyết các vụ việc cụ thể thì hệ thống giáo dục luật ở Mỹ không trực tiếp truyền đạt những kiến thức thuộc lòng về nội dung của các đạo luật, các án lệ mà lại nhằm vào việc đào tạo ra những luật sư có khả năng thắng kiện, các giáo sư luật ở Mỹ hướng tới việc dạy cho các sinh viên mọi kĩ năng cần thiết để thắng kiện hơn là dạy luật. Việc giáo dục pháp luật ở Mỹ là nhằm đào tạo ra những người không chỉ biết luật, hiểu luật mà còn biết giải quyết các công việc đa dạng và phức tạp trong thực tế.

Trong đào tạo luật ở Mỹ có hai điểm đặc biệt trong phương pháp giảng dạy là phương pháp Socratic (hùng biện) trong truyền đạt kiến thức và hệ thống tình huống (case study). Với phương pháp tình huống, sách để giảng dạy thường viết về từng môn học riêng biệt trên cơ sở phân tích những án lệ đã được chọn lọc đưa vào cuốn sách. Sẽ không có những bài giảng lý thuyết trừu tượng mà thay vào đó các nguyên tắc pháp lý được rút ra từ việc nghiên cứu những tình huống thảo luận trên lớp. Bằng việc sử dụng phương pháp Socratic, giảng viên sẽ không giảng về các tình huống mà thay vào đó yêu cầu sinh viên thuật lại và chất vất sinh viên để rèn luyện kĩ năng phản ứng của họ với tình huống đưa ra. Phương pháp Socratic đòi hỏi lớp học năng động với sự trao đổi các ý kiến, các câu hỏi và câu trả lời giữa các sinh viên và đòi hỏi sinh viên phải tham gia tích cực. Ngoài ra, giảng viên còn lồng ghép vào nội dung học những Moot court (phiên tòa giả định) nhằm cho sinh viên làm quen hơn với thực tế. Với cách học này sinh viên có thể vừa tự trau dồi kiến thức pháp lý, kĩ năng làm việc lại vừa tạo cho bản thân khả năng lập luận, khả năng thuyết phục, tạo tiền đề cho công việc sau này của chính họ. Điều này ở Việt Nam đã và đang được thực hiện tuy nhiên do chưa có sự áp dụng hai phương pháp trên một cách chính thống và hợp lý nên chưa đem lại hiệu quả thiết thực. Phương pháp giảng theo tình huống và phương pháp Socratic được sử dụng chủ yếu ở năm thứ nhất. Ở những năm sau, khi sinh viên được coi là đã có đáng kể kỹ năng phân tích thì phương pháp tình huống không còn hiệu quả nữa. Ở năm thứ nhất các khóa học tương đối đông và học những lĩnh vực rộng. Những khóa sau các lớp học được chọn lọc và chia nhỏ hơn. Các khóa học được gọi là các seminar với số lượng thường là 20 người và đòi hỏi sinh viên nghiên cứu rất nhiều. Đặc trưng của những cuộc thảo luận trên lớp là hướng vào những kết quả nghiên cứu của chính sinh viên.

Đối với sinh viên từ năm thứ ba trong trường luật có thể áp dụng phương pháp thực hành trực tiếp (clinical method), theo đó một sinh viên tham gia tư vấn và đại diện cho khách hàng thực sự trong khuôn khổ trợ giúp tư pháp dưới sự theo dõi của luật sư – đồng thời là giáo sư. Các trường luật hướng tới việc đào tạo những con người có khả năng tư duy, có trình độ lý luận, có năng lực làm việc độc lập. Sinh viên phải nỗ lực trong nghiên cứu, phân tích các văn bản luật cũng như tình tiết vụ việc cụ thể để có thể đưa ra các quan điểm, ý kiến và cách lập luận thuyết phục nhất. Ở Mỹ có xu hướng kết hợp giữa đào tạo lý thuyết và đào tạo nghề trong chương trình luật để sinh viên sau khi tốt nghiệp chỉ cần qua thời gian tập sự ngắn có thể làm việc được.

**II. Những kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc tiếp thu và ứng dụng.**

Qua những nghiên cứu ở trên đã cho thấy mô hình đào tạo luật ở Mỹ có những điểm rất tiến bộ và mang tính thực tiễn cao. So với Việt Nam đang trên con đường phát triển để tiếp thu và ứng dụng vào thực tế không phải là điều một sớm một chiều. Tuy nhiên, việc làm này là rất cần thiết và cần được thực hiện dần dần từ những bước cơ bản. Có thể thấy, việc giảm bớt tính hàn lâm và đưa các vụ việc thực tiễn vào giảng dạy các môn luật, việc mời các luật sư và thẩm phán có uy tín đến giảng bài, việc tăng tỷ lệ các câu hỏi về thực tiễn pháp luật là xu hướng tất yếu trong đào tạo để cấp bằng cử nhân luật. Đây là một trong những luận cứ để đề xuất việc đào tạo cử nhân luật làm tiền đề để đào tạo luật sư ở Học viện Tư pháp.

Mấy năm gần đây, đào tạo luật ở Việt nam đã bắt đầu theo hình thức tín chỉ, đây là một hình thức tốt để áp dụng phương pháp Socratic (phương pháp tình huống) để sinh viên có thể rèn luyện khả năng hùng biện, óc phán đoán tình huống, nhất là các buổi thảo luận (Seminar). Ngoài ra, việc tổ chức một phiên tòa giả định ngay trên lớp sẽ giúp các sinh viên tham gia với tư cách luật sư trong một không khí tranh tụng thực sự. Điều này không những giúp sinh viên có được sự hứng thú trong học tập mà khiến họ dần dần làm quen với cách giải quyết các vụ việc thực tế, từ đó rút ra bài học và tích lũy cho công việc sau này. Nên hạn chế việc dạy một cách máy móc, thụ động cho sinh viên mà cần hướng sinh viên đến sự tự nghiên cứu thì mới có thể kích thích được tinh thần học tập và sáng tạo của sinh viên. Hơn thế nữa, cần tạo cho sinh viên những cơ hội thực tập, học hỏi kinh nghiệm thực tế. Điều này có thể thông qua việc tổ chức cho họ đến tham dự các phiên tòa dưới hình thức người tập sự để họ làm quen với công việc ngay từ khi còn đang  là sinh viên.

Ngoài ra, ở một khía cạnh khác, cần có cơ chế thông thoáng cho các luật sư vừa làm việc, vừa nghiên cứu khoa học tại các trường đào tạo luật. Ở Mỹ, rất nhiều giáo sư luật là luật sư thực hành. Do đó, những kiến thức mà họ truyền dạy cũng sẽ dễ tiếp thu hơn vì đó là những kiến thức thực tế mà sách vở có thể chưa đề cập đến… Bên cạnh đó, cần nâng cao chuyên môn cho giảng viên, nhất là về ngoại ngữ và tin học. Ngoài ra, cũng cần phải kêu gọi những nguồn tài trợ cho những công trình nghiên cứu pháp luật, đầu tư cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng cho việc đào tạo luật ở các trường đại học. Kết hợp với đó, cũng cần phải tham khảo hệ thống giáo trình và tài liệu giảng dạy của họ để hoàn thiện hệ thống giáo trình luật của Việt Nam sao cho thiết thực và mang tính thực tiễn cao hơn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Giáo trình luật so sánh, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

- Luật So Sánh (Bản tiếng Việt), Michael Bogdan, Nxb. Kluwer, Norstedts Juridik, Tano, 2002.

- Giáo dục pháp luật ở Hoa Kỳ, TS. Phan Thị Kim Ngân, TẠP CHÍ KHPL SỐ 2 /2004.

- Đào tạo luật sư ở một số nước trên thế giới và những kinh nghiệm để hoàn thiện công tác đào tạo luật sư ở Việt Nam, TS. Lê Thu Hà – TS. Ngô Hoàng Oanh – TS. Phạm Trí Hùng, Tạp chí Nghề luật số 3, 2006.